

Chương: 423

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
(06 THÁNG NĂM 2026)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Sở Y tế công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng năm 2026 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng năm 2026	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5 =4/3*100	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	900	760	84	127
1	Phí	900	760	84	127
	Phí y, dược, an toàn thực phẩm,..	300	150	50	54
	Phí giám định y khoa	600	610	102	191
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0		
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0		
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0		
2	Chi quản lý hành chính	0	0		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	0	0		
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	0	0		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	300	150	50	228
I	Phí	300	150	50	228
	Phí y, dược, an toàn thực phẩm,..	300	150	50	228
	Phí giám định y khoa	30	31	102	191
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	523.906	211.634	40	100
I	Nguồn ngân sách trong nước	523.906	211.634	40	100
1	Chi quản lý hành chính	22.162	6.562	30	56
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	13.436	6.109	45	109
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	8.726	453	5	7
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	3.543	1.103	31	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0	0		
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	0	0		
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	0	0		
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0		
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.543	1.103	31	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	0	0		
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	3.543	1.103	31	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0	0		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	480.140	197.298	41	103
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	233.175	100.805	43	62
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	246.964	96.494	39	339
5	Chi bảo đảm xã hội	17.814	6.668	37	83
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	9.259	4.227	46	84
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	8.555	2.441	29	82
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0		

6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0		
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	247	2	1	4
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0		
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	247	2	1	4
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0		
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0		
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0		
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0		
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0		
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0		
4.1	Dự án A	0	0		
4.2	Dự án B	0	0		
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				

6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				